

Số: 38/2015/TT-BLĐTBXH

Hà Nội, ngày 19 tháng 10 năm 2015

THÔNG TƯ
Quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp
chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

Căn cứ Luật việc làm ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 106/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 12 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Dạy nghề;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; thẩm quyền, hồ sơ, trình tự, thủ tục công nhận, cấp và quản lý việc cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; đổi, cấp lại, hủy bỏ và thu hồi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề; người đề nghị cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc công nhận, cấp, cấp lại, đổi, hủy bỏ, thu hồi và quản lý cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

Chương II

CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Điều 3. Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

1. Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia là chứng nhận một người lao động có đủ khả năng thực hiện các công việc đạt yêu cầu ở một bậc trình độ kỹ năng của một nghề.

2. Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia gồm có 05 (năm) loại được phân theo 05 (năm) bậc, từ bậc I đến bậc V, cụ thể như sau:

- a) Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc I;
- b) Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc II;
- c) Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc III;
- d) Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc IV;
- đ) Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bậc V.

3. Hình thức và nội dung của chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia theo Mẫu tại Phụ lục 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 4. Quy định số hiệu trên chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

1. Số hiệu chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia gồm có: số thứ tự, mã hiệu vùng và năm cấp chứng chỉ.

2. Cách đánh số thứ tự và mã hiệu vùng của số hiệu chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia theo quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

Chương III

CẤP CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Điều 5. Thẩm quyền công nhận và cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan thực hiện việc công nhận và cấp, đổi, cấp lại và hủy bỏ, thu hồi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

Điều 6. Hồ sơ đề nghị công nhận và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

1. Hồ sơ đề nghị công nhận và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đạt yêu cầu bao gồm:

a) Văn bản đề nghị công nhận và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề theo Mẫu 01, Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Danh sách đề nghị công nhận và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho những người đạt yêu cầu theo Mẫu 02, Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này và đính kèm theo từng người có tên trong danh sách 01 (một) ảnh màu nền màu trắng cỡ 03 x 04 cm kiểu chứng minh nhân dân của người đó;

c) Quyết định của người đứng đầu tổ chức đánh giá kỹ năng nghề công nhận kết quả đánh giá của ban giám khảo có kèm theo bản tổng hợp kết quả điểm bài kiểm tra kiến thức, bài kiểm tra thực hành của người lao động tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia do ban giám khảo lập với đầy đủ thành viên trong ban giám khảo ký tên xác nhận kết quả đánh giá.

2. Hồ sơ đề nghị công nhận và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề cho người đạt huy chương tại hội thi tay nghề thế giới, hội thi tay nghề ASEAN và người đạt một trong các giải nhất, nhì, ba tại hội thi tay nghề quốc gia của Ban tổ chức thi tay nghề thực hiện theo Mẫu 01, Phụ lục 04 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 7. Hồ sơ đề nghị đổi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

Hồ sơ đề nghị đổi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia quy định tại Điều 3 của Thông tư này cho người đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia trước ngày 15 tháng 5 năm 2015, gồm có:

1. Tờ khai đề nghị đổi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia theo Mẫu 02, Phụ lục 04 ban hành kèm Thông tư này và 01 (một) ảnh màu nền màu trắng cỡ 03 x 04 cm kiểu chứng minh nhân dân của người đó;

2. Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp và bản chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người đó để đối chiếu.

Điều 8. Hồ sơ đề nghị cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia được cấp lại trong các trường hợp có đề nghị sửa đổi một số nội dung ghi trên chứng chỉ đã cấp do người được cấp chứng chỉ có sự thay đổi, cải chính hộ tịch hoặc do chứng chỉ đã được cấp bị hư, hỏng do rách, nát hoặc bị mất. Hồ sơ đề nghị gồm có:

1. Tờ khai đề nghị cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia theo Mẫu 02, Phụ lục 05 ban hành kèm Thông tư này và 01 (một) ảnh màu nền màu trắng cỡ 03 x 04 cm kiểu chứng minh nhân dân của người đó;

2. Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp (trừ trường hợp chứng chỉ đã cấp bị mất) và bản chụp giấy chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu còn thời hạn sử dụng của người đó để đối chiếu;

3. Đối với trường hợp có sự thay đổi, cải chính về hộ tịch phải gửi kèm bản sao chứng thực hộ tịch có nội dung thay đổi, cải chính hoặc bản chụp hộ tịch đó (xuất trình kèm bản chính để đối chiếu khi nộp trực tiếp).

Điều 9. Trình tự, thủ tục đề nghị công nhận và cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

1. Trình tự, thủ tục công nhận và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đạt yêu cầu được thực hiện như sau:

a) Tổ chức đánh giá kỹ năng nghề trực tiếp nộp 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 của Thông tư này hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, quyết định công nhận và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; trường hợp không công nhận thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2. Trình tự, thủ tục công nhận và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đối với người đạt huy chương tại hội thi tay nghề thế giới, hội thi tay nghề ASEAN và người đạt một trong các giải nhất, nhì, ba tại hội thi tay nghề quốc gia được thực hiện như sau:

a) Ban tổ chức thi tay nghề trực tiếp nộp 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Khoản 2 Điều 6 của Thông tư này hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Trong thời hạn 05 (năm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, quyết định công nhận và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

3. Trình tự, thủ tục đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đối với các trường hợp quy định tại Điều 7 và Điều 8 của Thông tư này được thực hiện như sau:

a) Người có nhu cầu đổi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia hoặc người có đề nghị cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia trực tiếp nộp 01 (một) bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 7 hoặc Điều 8 của Thông tư này hoặc gửi qua đường bưu điện đến Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

b) Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ và đổi hoặc cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; trường hợp không đổi hoặc không cấp lại thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Điều 10. Hủy bỏ, thu hồi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

1. Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã cấp bị hủy bỏ, thu hồi trong trường hợp sau:

a) Gian lận nội dung kê khai trong hồ sơ đề nghị cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;

b) Giả mạo giấy tờ, văn bản có trong hồ sơ đề nghị cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

2. Khi phát hiện có hành vi vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều này, Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ra quyết định hủy bỏ, thu hồi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã cấp.

Điều 11. Trách nhiệm của người đề nghị công nhận và cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

Người đề nghị công nhận và cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung trong hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia theo quy định tại Thông tư này.

Chương IV

QUẢN LÝ VIỆC CẤP CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Điều 12. Công bố thông tin về cấp, đổi, cấp lại và hủy bỏ, thu hồi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

1. Trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày quyết định công nhận và cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia hoặc hủy bỏ, thu hồi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã cấp, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thực hiện công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Bộ về danh sách những người

đã được cấp, đổi, cấp lại hoặc bị hủy bỏ, thu hồi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã cấp.

2. Thông tin được công bố trên trang điện tử phải bảo đảm chính xác và thường xuyên được cập nhật; bảo đảm dễ quản lý, truy cập, tìm kiếm.

Điều 13. Báo cáo về việc cấp, đổi, cấp lại và hủy bỏ, thu hồi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

1. Định kỳ cuối tháng 6 và cuối tháng 12 hàng năm, các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề gửi báo cáo các số liệu về người lao động tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đạt yêu cầu đã được cấp và nhận chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia theo từng bậc trình độ kỹ năng của từng nghề về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để tổng hợp.

2. Định kỳ cuối tháng 12 hàng năm hoặc đột xuất theo yêu cầu, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm tổng hợp và công bố tình hình cấp, đổi, cấp lại và hủy bỏ, thu hồi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

Điều 14. Trách nhiệm của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

1. Tổ chức việc tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; kiểm tra, đối chiếu và ghi đầy đủ, chính xác các nội dung trên chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

2. Tổ chức in và quản lý phôi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; quy định các biểu mẫu báo cáo, sổ sách quản lý nghiệp vụ liên quan đến cấp, đổi, cấp lại và chuyển phát chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

3. Ghi chép chính xác và đầy đủ các nội dung trong sổ sách quản lý nghiệp vụ và quản lý, lưu trữ sổ sách quản lý nghiệp vụ liên quan đến cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

4. Thiết lập hệ thống mạng thông tin kết nối với các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề; xây dựng hệ thống quản lý dữ liệu về cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia trên phạm vi toàn quốc và hệ thống báo cáo được tin học hóa phù hợp với điều kiện thực tế, đảm bảo thuận tiện cho việc xử lý, tra cứu.

5. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Thông tư này.

Điều 15. Trách nhiệm của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề

1. Quyết định công nhận kết quả đánh giá của Ban giám khảo theo quy định tại Khoản 1 Điều 26 của Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 3 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia.

2. Ghi chính xác, đầy đủ nội dung trong danh sách đề nghị công nhận và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho những người đạt yêu cầu theo Mẫu 02, Phụ lục 03 ban hành kèm theo Thông tư này; đối với các thông tin về cá nhân của từng người phải kiểm tra, đối chiếu với chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của từng người.

3. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của nội dung trong hồ sơ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia theo quy định tại Thông tư này.

4. Ghi chép chính xác và đầy đủ các nội dung trong sổ chuyển, phát chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia và quản lý, lưu trữ sổ chuyển, phát chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

5. Thực hiện việc chuyển, phát chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đến người được cấp chứng chỉ và thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Thông tư này.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05 tháng 12 năm 2015.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Tổng cục trưởng Tổng cục Dạy nghề, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Chánh Thanh tra Bộ trong phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp với các đơn vị thuộc Bộ và các cơ quan có liên quan tổ chức thực hiện và kiểm tra, thanh tra việc đề nghị cấp, đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia tại các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề trong phạm vi toàn quốc.

2. Sở Lao động - Thương binh và Xã hội các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm tổ chức kiểm tra, thanh tra việc đề nghị công nhận và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đạt yêu cầu tại các tổ chức đánh giá kỹ năng nghề trên địa bàn.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để xem xét, giải quyết.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương Đảng và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Sở LĐTBXH các tỉnh, TP trực thuộc TƯ;
- Công báo;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Website Bộ LĐTBXH;
- Bộ LĐTBXH: Bộ trưởng, các Thứ trưởng và các đơn vị có liên quan;
- Lưu: VT, TCDN (20 bản).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Huỳnh Văn Tí

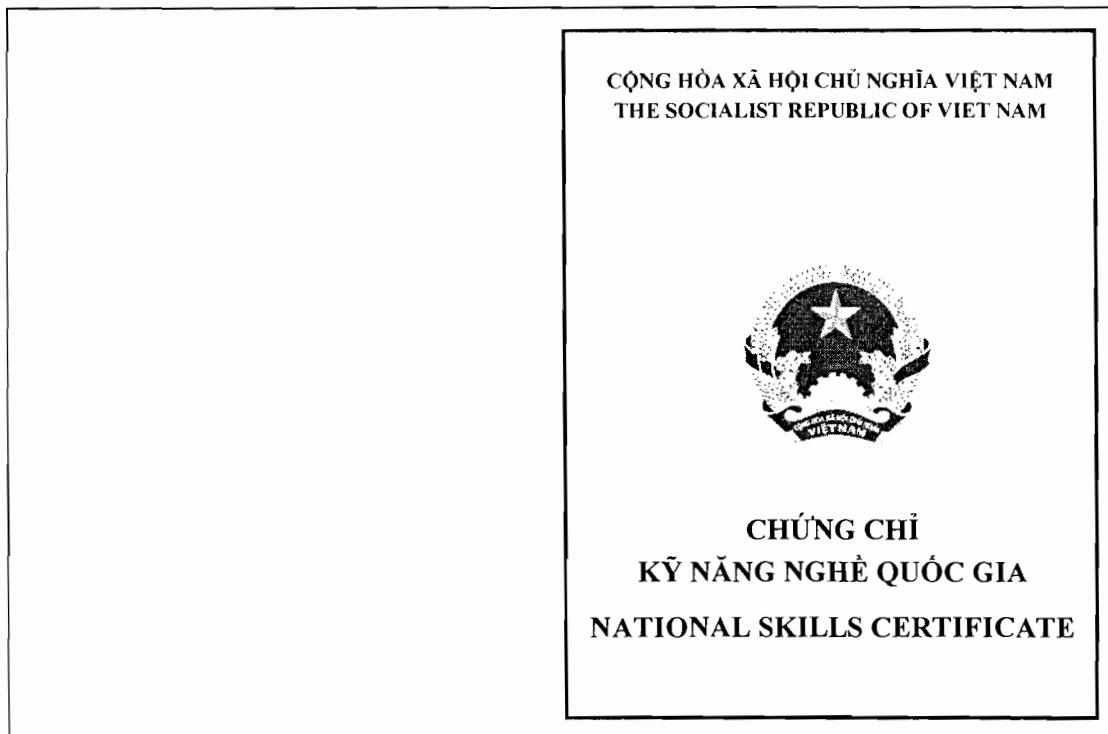
Phụ lục 1

MẪU CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Hình thức và nội dung của chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia như sau:

a) Mặt ngoài



Mặt ngoài chứng chỉ có kích thước 210 mm x 145 mm và nền màu xanh đậm; phía bên phải có khung màu vàng, kích thước 99 mm x 139 mm và khoảng cách từ mép khung đến mép giấy phía ngoài là 03mm. Nội dung trong khung gồm có:

- Hàng chữ “**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**” và hàng chữ “**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**” được trình bày bằng kiểu chữ in hoa đứng, đậm, màu vàng;

- Quốc huy có đường kính 35 mm;

- Hàng chữ “**CHỨNG CHỈ**”, “**KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA**” và hàng chữ “**NATIONAL SKILLS CERTIFICATE**” được trình bày bằng kiểu chữ in hoa đứng, đậm, màu vàng.

b) Mặt trong

<p>THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM</p> <p>NATIONAL SKILLS CERTIFICATE</p> <p>LEVEL ⁽¹⁾</p> <p>(2)</p> <p>This is to certify that</p> <p>Mr/Mrs/Ms: (3)</p> <p>ID number /Passport: (4)</p> <p>Date of issue: ⁽⁵⁾ Place of issue: ⁽⁶⁾</p> <p>Has been recognized for level ⁽⁷⁾</p> <p>Job: (8)</p> <p>Reference number: (14) / (15) - (16)</p>	<p>CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM</p> <p>CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA</p> <p>BẬC ⁽¹⁾</p> <p>Chứng nhận</p> <p>Ông/Bà: (3)</p> <p>CMND/Hộ chiếu: (4)</p> <p>Ngày cấp ⁽⁵⁾ nơi cấp ⁽⁶⁾</p> <p>Đạt yêu cầu ở bậc trình độ kỹ năng nghề bậc ⁽⁷⁾</p> <p>nghề: (8)</p> <p>(9) ,ngày tháng năm</p> <p>(10)</p> <p>(11)</p> <p>Số vào sổ: (13) (12)</p>
---	--

Mặt trong của chứng chỉ có kích thước 210 mm x 145 mm, nền màu trắng có hoa văn màu vàng nhạt in chìm, ở chính giữa có in chìm hình trống đồng màu cam nhạt; bao quanh mặt trong là khung hoa văn màu vàng có kích thước 204mm x 139mm và khoảng cách từ khung đến mép giấy phía ngoài là 03mm; Nội dung trong khung gồm có:

- Hàng chữ “CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM” và hàng chữ “THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM” được trình bày bằng kiểu chữ in hoa đứng, màu đen;

- Hàng chữ “**CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA**” và hàng chữ “**NATIONAL SKILLS CERTIFICATE**” được trình bày bằng kiểu chữ in hoa đứng, đậm, màu đỏ;

- Các chữ “LEVEL” và “BẬC” được trình bày bằng kiểu chữ in đứng, màu đỏ;

- Các chữ khác được trình bày theo kiểu chữ in thường đứng, màu đen.

c) Các nội dung khác trên chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

- (1) In theo loại các bậc chứng chỉ bằng chữ số La mã (từ bậc I đến bậc V) kiểu chữ in đứng, màu đỏ;
- (2) In ảnh 03 x 04 cm của người được cấp chứng chỉ;
- (3) Ghi theo họ và tên đầy đủ của người được cấp chứng chỉ bằng kiểu chữ in hoa đứng, màu đen;
- (4) Ghi theo số chứng minh nhân dân hoặc số hộ chiếu của người được cấp chứng chỉ bằng chữ số kiểu đứng, màu đen;
- (5) Ghi theo ngày, tháng, năm cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người được cấp chứng chỉ bằng chữ số kiểu đứng, màu đen;
- (6) Ghi theo địa danh, nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc hộ chiếu của người được cấp chứng chỉ bằng kiểu chữ thường đứng, màu đen;
- (7) Ghi bậc trình độ kỹ năng nghề (từ bậc 1 đến bậc 5) bằng chữ số kiểu đứng, màu đen;
- (8) Ghi theo tên nghề bằng kiểu chữ in hoa đứng, màu đen;
- (9) Ghi theo địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bằng kiểu chữ thường, màu đen;
- (10) In chức danh của người ký chứng chỉ bằng kiểu chữ in hoa đứng, màu đen;
- (11) Chữ ký và dấu của cơ quan người ký cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;
- (12) Ghi họ và tên đầy đủ của người ký chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bằng kiểu chữ màu đen;
- (13) Ghi theo số trong sổ cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bằng chữ số kiểu đứng, màu đen ;
- (14) In số thứ tự của chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia theo quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này bằng chữ số kiểu đứng, màu đỏ;
- (15) Ghi mã hiệu vùng theo quy định tại Phụ lục 02 ban hành kèm theo Thông tư này bằng kiểu chữ in hoa, màu đen;
- (16) Ghi hai số cuối của năm cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia bằng chữ số kiểu đứng, màu đen.

Phụ lục 02

CÁCH ĐÁNH SỐ THỨ TỰ VÀ MÃ HIỆU VÙNG CỦA CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

a) Cách đánh số thứ tự

Số thứ tự của chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia gồm có 07 chữ số từ số 0.000.001 đến số 9.999.999 .

b) Mã hiệu vùng theo tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

TT	Tên tỉnh, thành phố	Ký hiệu	TT	Tên tỉnh, thành phố	Ký hiệu
1.	An Giang	AGG	33.	Kon Tum	KTM
2.	Bắc Cạn	BCN	34.	Long An	LAN
3.	Bình Dương	BDG	35.	Lai Châu	LCU
4.	Bình Định	BDH	36.	Lào Cai	LCI
5.	Bắc Giang	BGG	37.	Lâm Đồng	LDG
6.	Bạc Liêu	BLU	38.	Lạng Sơn	LSN
7.	Bắc Ninh	BNH	39.	Nghệ An	NAN
8.	Bình Phước	BPC	40.	Ninh Bình	NBH
9.	Bến Tre	BTE	41.	Nam Định	NDH
10.	Bình Thuận	BTN	42.	Ninh Thuận	NTN
11.	Bà Rịa - Vũng Tàu*	BVT	43.	Phú Thọ	PTO
12.	Cao Bằng	CBG	44.	Phú Yên	PYN
13.	Cà Mau	CMU	45.	Quảng Bình	QBH
14.	Cần Thơ	CTO	46.	Quảng Ninh	QNH
15.	Đắc Lắc	DLC	47.	Quảng Nam	QNM
16.	Đắc Nông	DNG	48.	Quảng Ngãi	QNI
17.	Đà Nẵng*	DAN	49.	Quảng Trị	QTI
18.	Điện Biên	DBN	50.	TP Hồ Chí Minh	HCM
19.	Đồng Nai	DNI	51.	Sơn La	SLA
20.	Đồng Tháp	DTP	52.	Sóc Trăng	STG
21.	Gia Lai	GLI	53.	Thái Bình	TBH
22.	Hoà Bình	HBH	54.	Tiền Giang	TGG

23.	Hải Dương	HDG	55.	Thanh Hoá	THA
24.	Hà Giang*	HAG	56.	Thái Nguyên	TNN
25.	Hà Nội*	HAN	57.	Tây Ninh	TNH
26.	Hà Nam	HNM	58.	Tuyên Quang	TQG
27.	Hải Phòng	HPG	59.	Thừa Thiên Huế	TTH
28.	Hà Tĩnh	HTH	60.	Trà Vinh	TVH
29.	Hậu Giang	HGG	61.	Vĩnh Long	VLG
30.	Hưng Yên	HYN	62.	Vĩnh Phúc	VPC
31.	Kiên Giang	KGG	63.	Yên Bái	YBI
32.	Khánh Hoà	KHA			

Phụ lục 03
MẪU HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN
VÀ CẤP CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Mẫu 01

.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /CV -⁽²⁾

V/v công nhận và cấp chứng chỉ⁽³⁾, ngày tháng năm 20....
kỹ năng nghề quốc gia

Kính gửi:⁽⁴⁾

.....⁽¹⁾

Địa chỉ :⁽⁵⁾

Điện thoại/Fax: Email (nếu có):.....

.....⁽¹⁾, xin gửi kèm theo công văn này bộ hồ sơ
gồm các giấy tờ sau:

1. Quyết định công nhận kết quả đánh giá của ban giám khảo;
2. Bản tổng hợp kết quả điểm bài kiểm tra kiến thức, bài kiểm tra thực hành của người lao động tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia;
3. Danh sách đề nghị công nhận và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người lao động tham dự đánh giá cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đạt yêu cầu.

Đề nghị Quý cơ quan xem xét công nhận và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho những người có tên trong danh sách nêu trên./.

(9)

(6)

(7)

(8)

⁽¹⁾ Tên của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề

⁽²⁾ Chữ viết tắt của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề

⁽³⁾ Địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

⁽⁴⁾ Tên cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

⁽⁵⁾ Ghi rõ địa chỉ nơi đóng trụ sở chính của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề

⁽⁶⁾ Chức danh người đứng đầu tổ chức đánh giá kỹ năng nghề

⁽⁷⁾ Chữ ký và dấu của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề

⁽⁸⁾ Họ và tên đầy đủ của người ký

⁽⁹⁾ Ghi nơi nhận và lưu theo quy định của văn bản hành chính

Mẫu 02.....⁽¹⁾.....**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**Số: /DS-.....⁽²⁾..........⁽³⁾....., ngày tháng năm 20....**DANH SÁCH****ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN VÀ CẤP CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA**

Danh sách đề nghị công nhận và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho người tham dự kỳ đánh giá kỹ năng nghề⁽⁴⁾.....

Được tổ chức từ ngày⁽⁵⁾

tại⁽⁶⁾.....

Số TT	Họ và tên	Ảnh 03x04cm	Giới tính		Số CMND(Hộ chiếu)/ ngày cấp/ nơi cấp	Bậc trình độ
			Nam	Nữ		
1						
2						
...						

Tổng cộng có.....⁽⁷⁾..... người trong danh sách đề nghị./.

NGƯỜI LẬP

⁽⁸⁾⁽⁹⁾⁽¹¹⁾⁽¹⁰⁾⁽¹⁾ Tên của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề⁽²⁾ Chữ viết tắt của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề⁽³⁾ Địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương⁽⁴⁾ Ghi đầy đủ tên nghề thực hiện đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia⁽⁵⁾ Ghi ngày, tháng, năm tổ chức kỳ đánh giá kỹ năng nghề quốc gia⁽⁶⁾ Ghi địa điểm thực hiện đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia⁽⁷⁾ Ghi tổng số người trong danh sách đề nghị cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia⁽⁸⁾ Chức danh người đứng đầu tổ chức đánh giá kỹ năng nghề⁽⁹⁾ Chữ ký và dấu của tổ chức đánh giá kỹ năng nghề⁽¹⁰⁾ Họ và tên đầy đủ của người ký⁽¹¹⁾ Chữ ký, họ và tên đầy đủ của người lập danh sách

Phụ lục 04

**MẪU HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ CÔNG NHẬN VÀ CẤP, ĐỔI, CẤP LẠI
CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2015/TT-BLĐTBXH ngày 19 tháng 10 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

Mẫu 01

.....⁽¹⁾

Số: /CV-.....⁽²⁾

V/v công nhận và cấp chứng chỉ
kỹ năng nghề quốc gia

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽³⁾, ngày tháng năm 20....

Kính gửi:⁽⁴⁾

.....⁽¹⁾, xin gửi kèm theo công văn này danh sách
những người đạt thành tích tại Hội thi tay nghề quốc gia/ASEAN/thế giới :

Số TT	Họ và tên	Ảnh 03x04cm	Giới tính		Số CMND/Hộ chiếu ngày cấp/nơi cấp	Đạt thành tích	Nghề
			Nam	Nữ			
1							
2							
...							

Đề nghị Quý cơ quan xem xét công nhận và cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho
những người có tên trong danh sách nêu trên./.

(8)

(5)

(6)

(7)

⁽¹⁾ Tên của Ban tổ chức thi tay nghề

⁽²⁾ Chữ viết tắt của Ban tổ chức thi tay nghề

⁽³⁾ Địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

⁽⁴⁾ Tên cơ quan có thẩm quyền cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

⁽⁵⁾ Chức danh của người đứng đầu Ban tổ chức thi tay nghề

⁽⁶⁾ Chữ ký của người đứng đầu Ban tổ chức thi tay nghề và dấu của Ban tổ chức thi tay nghề (nếu có)

⁽⁷⁾ Họ và tên đầy đủ của người ký

⁽⁸⁾ Ghi nơi nhận và lưu theo quy định của văn bản hành chính

Mẫu 02

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽¹⁾....., ngày..... tháng năm 20.....

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ ĐỔI CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Kính gửi:⁽²⁾

Họ và tên:
Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số: Ngày cấp:.....
Nơi cấp:.....
Địa chỉ liên lạc:⁽³⁾
Điện thoại: Email (nếu có):
Tôi đã tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia năm:⁽⁴⁾
tại:⁽⁵⁾
và đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia số:⁽⁶⁾

Tôi xin gửi kèm theo tờ khai này các giấy tờ sau:

1. Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp
2. Bản chụp giấy chứng minh nhân dân/hộ chiếu
3. Ảnh 03 x 04 cm

Đề nghị Quý cơ quan xem xét đổi chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho tôi.

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật./.

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ và tên)

⁽¹⁾ Địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

⁽²⁾ Tên cơ quan cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

⁽³⁾ Ghi rõ địa chỉ liên lạc

⁽⁴⁾ Ghi rõ năm tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

⁽⁵⁾ Ghi rõ tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề đã đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

⁽⁶⁾ Ghi số hiệu chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp

Mẫu 03

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

.....⁽¹⁾....., ngày..... tháng năm 20.....

TỜ KHAI
ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI CHỨNG CHỈ KỸ NĂNG NGHỀ QUỐC GIA

Kính gửi:⁽²⁾.....

Họ và tên:

Giấy chứng minh nhân dân/Hộ chiếu số: Ngày cấp:

Nơi cấp:.....

Địa chỉ liên lạc:⁽³⁾.....

Điện thoại: Email (nếu có):

Tôi đã tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia năm:⁽⁴⁾.....

tại:⁽⁵⁾.....

và đã được cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia số:⁽⁶⁾.....

Lý do xin đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp: ⁽⁷⁾

1. Do bị hỏng, rách
2. Do có sự thay đổi, cải chính về hộ tịch
3. Do bị mất

Tôi xin gửi kèm theo tờ khai này các giấy tờ sau: ⁽⁸⁾

1. Chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia hỏng, rách
2. Giấy tờ chứng minh có sự điều chỉnh, bổ sung hộ tịch ⁽⁹⁾
3. Ảnh 3 x 4 cm

Đề nghị Quý cơ quan xem xét đổi, cấp lại chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia cho tôi.

Tôi xin cam đoan những điều khai trên là sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm./.

NGƯỜI KHAI

(Ký và ghi rõ họ và tên)

⁽¹⁾ Địa danh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

⁽²⁾ Tên cơ quan cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

⁽³⁾ Ghi rõ địa chỉ liên lạc

⁽⁴⁾ Ghi rõ năm tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

⁽⁵⁾ Ghi rõ tên tổ chức đánh giá kỹ năng nghề đã đăng ký tham dự đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia

⁽⁶⁾ Ghi số hiệu chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đã được cấp

⁽⁷⁾ Đánh dấu X vào ô thích hợp

⁽⁸⁾ Đánh dấu X vào ô thích hợp

⁽⁹⁾ Bản sao có chứng thực hoặc bản chụp kèm bản chính giấy tờ xác nhận điều chỉnh, bổ sung hộ tịch